

VẤN ĐỀ PHÂN CHIA NGÔI THỨ LÀNG XÃ VIỆT QUA HƯƠNG ƯỚC CHỮ HÁN
THẾ KỶ XVII - XVIII

THE HIERARCHIC DIVISION OF VIETNAMESE VILLAGE COMMUNITIES THROUGH
CHINESE VILLAGE CONVENTIONS IN CENTURIES XVII - XVIII

Đỗ Thị Hà Thơ

Trường Đại học Đồng Tháp; dothihatho@gmail.com

Tóm tắt - Trên nền tư tưởng Nho giáo, hương ước chữ Hán Việt giai đoạn thế kỷ XVII – XVIII tiến tới giải quyết triệt để vấn đề phân chia ngôi thứ cho từng thành viên hương đảng. Bằng các điều lệ đặt sổ hương âm và khao vọng, những tiêu chuẩn đình đã xây dựng thành công một xã hội có trật tự, có lớp lang, trên thuận dưới hòa cũng như thu xếp ổn thỏa các khoản chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên quy định của lệ hương âm lại dễ khiến cư dân làng hình thành tư duy cục bộ về địa vị bản thân chốn đình trung. Nhất là quy định khao vọng quá dồi dào kém so với mức sống của dân đã chính thức nhấn chìm họ trong sự đói nghèo và tụt hậu, trở thành bức tranh chung của xã hội Việt Nam đương thời.

Từ khóa - hương ước; hương ước chữ Hán thế kỷ XVII – XVIII; hương ước chữ Hán Việt Nam; lệ hương âm; ngôi thứ làng xã Việt.

1. Đặt vấn đề

Những biến động của tình hình xã hội Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVII – XVIII tạo nên những xáo trộn trong việc tiếp quản đất nước của các chúa Trịnh, Nguyễn và triều đại Quang Trung. Nho giáo lúc này bắt đầu suy yếu, Phật giáo, Đạo giáo có điều kiện hồi phục dần, nhất là ở Đàng Trong. Cùng lúc đó, sự xuất hiện của các giáo sĩ phương Tây như Bồ Đào Nha, Ý, Pháp vào truyền bá đạo Thiên chúa ở Đàng Trong đã tạo thử thách lớn cho sự phát triển giáo lí Nho giáo. Đến khi chiến tranh Trịnh – Nguyễn chấm dứt, triều đình nhà Nguyễn ra sức thiết lập lại trật tự xã hội thì Nho giáo vẫn là sự lựa chọn hàng đầu. Nho giáo tuy hưng thịnh, nhưng nhận thức về Nho giáo của các chúa Nguyễn bấy giờ có phần cực đoan hơn và bảo thủ hơn. Trên vũ đài chính trị kể cả thời Tây Sơn, Nho giáo có phần suy yếu đi song vẫn là bộ đỡ tư tưởng chủ yếu để xây dựng nhà nước phong kiến trung ương tập quyền.

Giữa những xáo trộn về chính trị, chính sách đầu tư cho làng xã cơ hồ bị lãng quên. Song làng xã vẫn vận hành và tự ổn định bằng yếu tố nội sinh với những quy định của hương ước. Nhìn chung, hương ước Việt Nam giai đoạn này chủ yếu lấy tư tưởng Nho giáo làm chủ đạo, các quy điều trải rộng từ chuyện cá nhân đến chuyện tập thể. Đặc biệt, bằng các điều khoản của mình, hương ước Việt đã giải quyết ổn thỏa vấn đề trật tự tôn ty hương đảng, làm nền tảng cho sự ổn định toàn xã hội. Qua nghiên cứu, chúng tôi chỉ xin bàn về vấn đề phân chia ngôi thứ của các cấp bậc làng xã Việt được phản ánh qua tư liệu hương ước chữ Hán thế kỷ XVII – XVIII.

2. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

Qua khảo cứu, các văn bản hương ước chữ Hán thế kỷ

Abstract - Based on the ideas of Confucianism, the Chinese village conventions in Vietnam in centuries XVII - XVIII became a drastic solution to the hierarchical division of village community members. By establishing regulations for booking post-worship feasts and nomination feasts, the small courts were able to successfully build an organized, harmonious and hierarchical society with its internal expenses well-arranged. However, the facile regulations of the post-worship feasts led to the villagers' formation of local thoughts about their own positions in the communal house. Especially, the regulations of the nomination feasts, which were too costly compared to the people's living standards, completely engulfed the people in poverty and underdevelopment, which was a common sight of the contemporary Vietnamese society.

Key words - village conventions; Chinese village conventions in centuries XVII - XVIII; Chinese village conventions in Vietnam; post-worship feast regulations; hierarchy in Vietnam's village communities.

XVII – XVIII của Việt Nam có 216 bản chủ yếu là chép tay, được tập hợp và nhân bản đóng thành quyển, xếp theo đơn vị hành chính thời Nguyễn, lưu giữ ở thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm¹, thuộc 15 tỉnh thành, phân bố từ Nghệ An trở ra, với số lượng cụ thể như sau:

Bảng 1. Số lượng hương ước chữ Hán thế kỷ XVII – XVIII của Việt Nam thống kê theo đơn vị hành chính thời Nguyễn

STT	Tỉnh	Giai đoạn	
		Thế kỷ XVII	Thế kỷ XVIII
1	Bắc Giang	5	0
2	Hà Đông	9	35
3	Hà Nam	0	11
4	Hải Dương	1	0
5	Hưng Yên	10	25
6	Lạng Sơn	1	0
7	Nam Định	5	11
8	Nghệ An	2	2
9	Ninh Bình	2	16
10	Phú Thọ	1	6
11	Phúc Yên	1	0
12	Quảng Yên	1	0
13	Sơn Tây	4	34
14	Thái Bình	1	29
15	Thanh Hóa	3	1
Tổng cộng		46	170

¹ Qua khảo cứu các công trình thuộc mảng tài liệu dịch thuật đã xuất bản, chúng tôi thống kê có 03 văn bản hương ước lưu tại địa phương.

Tên các địa danh trên đây, chúng tôi căn cứ vào nguyên bản ở đầu mỗi quyển hương ước, chưa đối chiếu với địa danh hiện nay. Trong tình hình tư liệu hiện nay, bản hương ước cổ nhất của Việt Nam được tìm thấy thuộc thế kỷ XVII, đó là bản *Tương Trúc Tự Khoát nhị xã phong tục* 湘竹寺豁二社風俗 (Hà Đông) soạn năm Đức Long 5 (1633). Qua bảng số liệu trên, tỉnh Hưng Yên là tỉnh có nhiều hương ước nhất ở thế kỷ XVII, trong đó hương ước về việc bầu Hậu (Hậu Thần, Hậu Phật, Hậu Hiền) chiếm phần đa. Cả 10 bản hương ước thế kỷ XVII của ba tổng Như Quỳnh, Nghĩa Trai, Lương Tài thuộc huyện Văn Lâm, hai tổng Đông Than và Sài Trang thuộc huyện Yên Mỹ đều lập hương ước về việc bầu Hậu.

Từ thực tế nghiên cứu cho thấy hiện nay có những bản hương ước tuy ghi niên đại thời Lê, nhưng có thể chỉ có một số điều xuất hiện sớm, còn lại nội dung văn bản được cố định lại vào triều Nguyễn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Văn bản hương ước Việt Nam giai đoạn này chủ yếu được viết bằng chữ Hán, một số có xen kẽ chữ Nôm để ghi tên thức cúng như xôi 糗, bình 坪, vò 圩, nải 玗... và địa danh sở tại như xứ Phàm Đá 凡砂 bản *Ngạc Nhất giáp chiếu thu tiền túc lệ bạ*; xứ Cửa Miếu 闕廟 bản *Hậu Trạch xã tục lệ*, xứ Đường Bò 塘輔 bản *Quần Lương xã tục lệ*...

2.1. Lệ hương ẩm và sự phân chia cấp bậc làng xã Việt

Chịu ảnh hưởng sâu sắc cách thức giáo dục của Nho giáo, các vấn đề về lễ được các bậc túc nho phân tách một cách kỹ càng như *Hương ẩm từu lễ* 鄉飲酒禮, *Hương xạ lễ* 鄉射禮, *Sĩ hôn lễ* 士婚禮, *Sĩ quán lễ* 士冠禮. Qua các bản hương ước chữ Hán thế kỷ XVII – XVIII của Việt Nam, lễ hương ẩm được tập thể tác giả đề cập khá nhiều. Xuất phát của lệ hương ẩm bắt nguồn từ lễ hương ẩm từu của Trung Quốc xưa, được chính quyền phong kiến Trung Quốc triển khai thực thi khá sớm dựa trên những phần ghi chép về lễ nhạc như *Nghi lễ* 儀禮, *Chu chế* 周制, *Lễ ký* 禮記. Năm thứ 6 niên hiệu Kiến Vũ 建武 nhà Hán (năm 30 sau CN), lần đầu tiên việc tuyển chọn người tài bằng kỳ Minh Kinh tổ chức ở Đan Dương. Mãi đến năm thứ 6 niên hiệu Trinh Quán 貞觀 đời nhà Đường (năm 632), triều đình cho biên soạn *Hương ẩm từu* hợp nhất hai phần lễ: Tiến cử người hiền và ngồi đúng vị trí ngôi thứ. Bằng cách lồng ghép vào các kỳ hội hương đảng, lễ này nhanh chóng được dân tiếp nhận. Mặc dù triều đại nhà Đường chọn Phật giáo làm quốc giáo, nhưng triết lý *từu bi, hỷ xả* của Phật giáo cũng đã nhập thể để cùng chạy đua với Nho giáo dồn sức vào việc giáo dân thành tục. Bấy giờ quan Thích sử ở Tuyên Châu là Bùi Diệu Khanh 裴耀卿 dâng sớ lên vua xin thực thi lễ hương ẩm từu để chấn chỉnh nền phong hóa đất nước. Trong sớ ông đã bày tỏ thái độ và nguyện vọng của mình như sau:

州牧縣宰所主者宣揚禮樂典冊經籍所以教者返。古還淳上奉君親,下安鄉族。外州遠郡俗習未知徒聞禮樂之名不知禮樂之實。竊見以鄉飲酒禮頒行于天下。比來唯貢舉之日略用其儀。閭里之間未通其事,臣在州之日率當州所管一一與父老百姓勸遵行禮,奏樂歌至白華華黍南陔由唐章言老子養親及羣物遂性之義 [14] (Quan Châu mục và Huyền tế chủ từu nên nêu cao điển chế lễ nhạc để dạy dân. Ngày trước lễ nhạc tưới thấm muôn

dân, trên biết phụng thờ vua, dưới giữ yên hương đảng. Còn các châu huyện xa xôi chưa biết đến tên gọi lễ nhạc nên chẳng hiểu được cái nghĩa thiết thực của nó. Thần thiết nghĩ nên lấy lễ “Hương ẩm từu” ban bố rộng rãi cho chúng dân biết mà thực thi. Gần đây, vào ngày tiến cử người tài đã lược dụng nghi lễ này. Ngày nào người trong lưu lý chưa thông, thần còn ở châu đó sẽ đôn đốc quan phụ trách châu cùng với các phụ lão bách tính khuyến khích mọi người hành lễ, tấu nhạc, hát bài “Bạch hoa hoa từu” và “Nam cai do canh” nói đến nghĩa hiếu từu phụng dưỡng cha mẹ và tính chưa kể hết của muôn vật.)

Triều đại nhà Đường cố gắng tái thiết lại thời buổi huy hoàng trong lịch sử Trung Hoa. Cứ thế từng viên gạch đặt nền móng cho công cuộc giáo hóa được xếp lại với nhau trải dài đến các triều Tống rồi Minh đã hóa thành *vạn lý trường thành* bảo vệ và phát huy những thuần phong mỹ tục. Khi *thức đồ* 式圖 (sơ đồ phân bố chỗ ngồi đúng nghi thức) được ban hành vào năm thứ 16 niên hiệu Hồng Vũ nhà Minh (năm 1383), đến năm thứ 22 (năm 1389) định lại một lần nữa, khẳng định tầm ảnh hưởng của các vấn đề về lễ lẫn sự quan tâm đến công cụ bảo vệ ngai vàng của vương quyền.

Lễ hương ẩm từu nhanh chóng truyền sang Việt Nam, được các sĩ phu trân trọng đón nhận như bảo vật để *hộ quốc yên dân*. Trong hành trình chuyển giao này, phần lễ hương ẩm ở Việt Nam không còn rõ rệt với tư cách của một nghi lễ nữa, mà nó đã thực hiện công đoạn bản địa hóa theo khuôn viên của từng rặng tre để trở thành tục dân. Tuy vậy, nó vẫn thể hiện đầy đủ nội dung được phản ánh ở Trung Quốc.

Làng Việt xưa, vấn đề lễ hương ẩm thể hiện ra bên ngoài là vị trí ngôi thứ ở đình trung. Sự phân chia các cấp bậc trong hương đảng cho thấy sự phân tầng đẳng cấp của những tiêu triều đình. Đẳng cấp trên gồm lão hạng, quan tước, chức sắc; đẳng cấp dưới gồm hoàng đình, bạch đình, ty ấu. Xuyên khắp các làng Việt, làng nào cũng có đặt số hương ẩm. Số hương ẩm với công năng đầu tiên là biên tên các đình nam để tiện việc phân bố ngôi thứ. Chỗ ngồi của những tráng đinh này được xếp thứ bậc theo trình tự, tức người vào trước ngồi trên, người vào sau ngồi dưới.

Thực tế cho thấy hương ước Việt phân ra ba bản ứng với ba cấp bậc được xem là tôn quý: Người cao tuổi, người có học và chức dịch làng xã. Xuất phát từ nền nông nghiệp lúa nước và chịu ảnh hưởng của Nho giáo nên tinh thần *kính lão tôn hiền* chi phối toàn bộ quy định hương ước thời kỳ này. Có thể thấy, nhiều làng Việt giai đoạn này hướng tới sự thống nhất đối với ngôi thứ của người cao tuổi và người có học chính bằng sự thỏa thuận ngầm của những người dân trong làng. Theo đó, làng nào trọng xỉ thì các bậc lão niên ngồi bàn 1, làng nào trọng tước thì quan chức đồ đạt ngồi bàn 1. Chỉ duy nhất ở hai bản này mới có sự thay đổi vị trí giữa xỉ và sĩ, còn bản 3 là bản dành cho các chức dịch trong làng. Từ bản 3 trở đi xếp vị trí cho hoàng đình, bạch đình cũng căn cứ vào tuổi tác sau mới tính đến thứ bậc cha ông. Hương ước Việt Nam quy định chặt chẽ việc thăng ngôi thứ, thường là 50 cũng có làng yêu cầu 55 hoặc 60 bắt đầu lên hàng lão hạng. Như điều 1 bản *Dương Liễu xã khoán ước* 楊柳社券約 (Sơn Tây) lập năm Cảnh Trị 8 (1670) quy định: “Bản xã có người nào đó đến 60 tuổi mới được dự vào hàng lão hạng, người nào đó chưa đủ 60 tuổi thì không được dự vào hàng lão hạng. Ai vi phạm

sẽ bị phạt 1 quan tiền sử không tha” [2].

Điều 15 bản *Tương Mai xã tục lệ* 湘枚社俗例 (Hà Đông) soạn năm Vĩnh Khánh 4 (1732) quy định:

鄉中每員各人歲至五十並六十五升次者。係逐年正月初八日應納款一盤，酒一罇，笑留一百口，猪一口。其坐飲者亭中次亦其家名豐得任請。他日別敬不得要索。 [10]

(Trong hương các vị tuổi đến 50, 65 đều được thăng ngôi thứ. Hằng năm vào ngày mùng 8 tháng Giêng nên dâng 1 mâm xôi, 1 vò rượu, 100 khẩu trà, 1 con lợn. Chỗ ngồi ăn uống của họ được xếp ở đình trung. Nếu họ vắng mặt bất kể là nhà giàu hay nghèo đều được mời. Ngày khác kính riêng cho, không được yêu sách.)

Bản *Phất Lộc xã tục lệ* 第祿社俗例 (Thái Bình) lập năm Cảnh Hưng 40 (1779) thống nhất kê cứu quy định mừng thọ lão như sau:

本社上下清白諸員各整有青衣帽幘在項者葛衣帽預將禮物至壽家。先請壽老就坐，本社員目炤次序立。擇委色目一員進酒三旬。其某旬所進並有祝壽辭云：願老翁享壽。杯以介眉壽祝訖奉酒老翁飲。訖在位者齊聲護祝壽詞，三旬如之。既畢行四拜禮，禮畢其踐接美茶隨中所待不得妄以為有無為辭。某違例者應照實書報樹准罰不赦。 [8]

(Cáo) trong bản xã gia thế thanh bạch mỗi người sắm sửa áo đen, mũ mào cùng loại, áo vải mũ mào đến dự mang lễ vật đến nhà thọ lão. Trước thỉnh thọ lão ngồi, viên mục bản xã chiếu theo thứ tự đứng. Chọn và giao cho một viên sắc mục dâng rượu 3 tuần. Mỗi tuần rượu đều có lời chúc rằng: Nguyên cho lão ông được hậu thọ. Chén rượu để ngang máy, chúc xong dâng rượu lão ông uống. Xong mọi người tại chỗ đồng thanh chúc, ba tuần rượu đều như thế. Sau đó hành bốn lễ vái, vái xong dâng tiếp trà, trà tùy nghi không được có lời can bậy nói ra nói vào. Ai làm trái lệ, chiếu theo lệ mừng thọ cũ bắt phạt không tha.)

Những quy định kiểu này nhanh chóng áp sát hệ thống lớp lang làng xã. Triều đình phong kiến chia xã hội ra làm bốn tầng bậc sĩ, nông, công, thương cũng góp phần lý giải vì sao khi tầng lớp nho sĩ xuất hiện ngay một đồng đảo đã tranh giành mảnh đất ảnh hưởng với các bậc lão niên ở làng quê. Từ đó hương ước nhiều làng đưa ra nhiều ưu đãi, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nông dân chân lấm tay bùn miệt mài với đèn sách, như việc miễn lao dịch, thuế khóa, cấp tiền bút mực, lộ phí đi thi...

Bản *Đồng Thủy xã tục lệ* 潼水社俗例 (Hà Nam) soạn năm Vĩnh Thịnh 1 (1705) quy định:

以文學為重。村內何人年到十八歲以上而有去從學者宜卞笑一百口出呈。本村以學確，係寔學本村應除伊名搜役各款。其何人考課者本村許錢五貫。係应试者本村許錢十五貫係至就場应试咱得取錢以為筆紙。其這錢炤取公錢。若未及本村炤補鄉飲所受不得違迟以重文學。 [12]

(Văn học là trọng. Trong thôn, người nào tuổi từ 18 trở lên theo học văn chương nên biện 100 khẩu trà đến trình thôn. Bản thôn lấy việc học xem xét, quả đúng như vậy bản

thôn nên xóa tên người đó ra khỏi các khoản sưu dịch. Người nào khảo khóa, bản thôn cấp 5 quan tiền. Người nào ứng thí, bản thôn cấp 15 quan tiền đến trường ứng thí, lấy tiền đó mua giấy bút. Số tiền này trích ra từ công quỹ. Nếu chưa đủ, bản thôn chiếu bổ vào hương ẩm. Ai được nhận tiền không nên làm trái, trì trệ để thể hiện sự tôn trọng việc học hành. Nay đặt lệ.)

Bản *Đông Phù Liệt tục lệ* 東扶烈俗例 (Hà Đông) lập năm Cảnh Hưng 36 (1775) cho hay:

社內何人阡年拾捌寔學行於正月十式日整辦笑留陆拾口詳與本社其巡店雜役順酌以至激勸。 [7]

(Trong xã người nào đến 18 tuổi đang đeo đuổi con đường học vấn thì vào ngày 12 tháng Giêng nên biện lễ gồm 60 miếng trà trình bày rõ với quan viên trong xã thì sẽ được miễn các việc lao dịch, tuần phòng để tỏ lòng khuyến khích việc học).

Bản *Hậu Trạch xã tục lệ* 厚澤社俗例 (Sơn Tây) soạn năm Quang Trung 2 (1789) đưa ra quy định khích lệ bằng cách biểu ruộng đất cho người có học và người cao tuổi trong làng như sau:

本社舉俵田自監生以上每員二高;儒生,生徒四高同與均分;官員二堂三高同與均分;上老自七十以上三高在罰廟處同與均分。 [13]

(Bản xã cử biểu ruộng từ hàng Giám sinh trở lên mỗi vị 2 sào; Nho sinh, Sinh đồ 4 sào cùng nhau chia đều; quan viên hai vị 3 sào cùng nhau chia đều, chia đều cho thượng lão từ 70 tuổi trở lên 3 sào ở xứ Cửa Miếu cùng nhau chia đều).

Đặc biệt, ở làng xã Việt Nam, bình ngách được xếp ngôi thứ đình trung là những nỗ lực đáng kể của nhà Nho Việt Nam. Vào những kỳ hội hè hằng năm, việc bố trí chỗ ngồi ở đình trung càng thêm rôm rả. Qua nhiều công trình nghiên cứu của các học giả Bùi Xuân Đính, Vũ Duy Mên, Đào Trí Úc... đã tái hiện lại những vị trí này như sau: Gian giữa đình là vị trí của chủ tế; gian bên phải đình là vị trí của các vị khoa trường đỗ đạt, quan chức triều đình; gian bên trái đình là chỗ ngồi của các cụ thượng thọ xếp theo thứ bậc tuổi tác và các vị chức dịch của làng.

Nhiều làng cố gắng dung hòa giữa xi và sĩ, văn và võ. Cũng trong bản *Đồng Thủy xã tục lệ* 潼水社俗例 (Hà Nam) năm Vĩnh Thịnh 1 (1705) quy định: “Văn đứng hàng Tú tài, võ từ hàng Suất đội, hàng Chánh Phó tổng chiếu theo khoa thứ và phẩm trật mà định chỗ ngồi” (文秀才, 武率隊戶正副總炤從科次品秩而坐) [12], hay: “Người già từ 90 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Tiến sĩ; 80 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Phó bảng; 70 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Cử nhân; 60 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Tú tài, Suất đội, Chánh Phó tổng; 50 tuổi trở lên ngồi ngang hàng với Lý dịch và người đỗ nhất nhị trường” (老九十歲以上坐對進士;八十以上坐對副榜;七十以上坐對舉人;六十以上坐對秀才, 率隊, 正副總;五十以上坐對里役及一二場而坐。) [12]

Bản *Phất Lộc xã tục lệ* 第祿社俗例 (Thái Bình) soạn năm Bảo Thái 7 (1726) trong lời giáo đầu quy định:

鄉黨之禮所以尊高年長有德興禮讓, 集和睦以圓淳厚之風。按諸國朝善政禮教法條申明具在從前。本社

鄉禮由有乍得乍失未叶時宜。嗣後係於庭中鄉飲坐席間諸耄老翁坐於左邊上行,官員各色坐於右邊上行,其村項等人各以年齒次坐。[8]

(Lễ hương đảng là tôn các bậc cao niên trưởng thượng có đức vọng nhằm hưng lễ nhượng, tập hòa mục và trở về với thuần phong mỹ tục. Xét thấy nền thiện chính lễ giáo, pháp điều quốc triều đều được tuyên bố rõ ràng theo như tục cũ. Bản xã vào dịp lễ trong hương đảng có điều được có điều không vì một số điều không còn phù hợp nữa. Từ nay về sau, đối với chỗ chiếu ngồi hàng hương ẩm ở đình trung, các cụ tám chín mươi tuổi sẽ ngồi ở hàng trên phía bên trái, quan viên chức sắc ngồi ở hàng trên phía bên phải, người ở các thôn sẽ theo tuổi tác định chỗ ngồi.)

Như vậy, song song với vấn đề phân chia ngôi thứ, hương ước Việt dành ra nhiều khoản ưu đãi cho những cấp bậc làng xã. Tinh thần quý trọng tôn hiền của Nho giáo được chuyển tải trung thành qua hương ước Việt giai đoạn này. Điều đặc biệt, hương ước Việt cố gắng tạo sự dung hòa giữa văn và võ, là điểm tiến bộ vượt bậc so với các nước khu vực Đông Bắc Á cùng thời kỳ: Chủ trương đào tạo lớp người văn võ song toàn của Nho giáo bị bóp méo bởi cái nhìn thiên kiến của giới cầm quyền. Và thái độ này trong lịch sử đã phải trả giá bằng cuộc chính biến đẫm máu, tranh giành quyền lực của hai bên văn võ. Do đó, kim hãm sự phát triển của đất nước trước những biến động mang tính lịch sử của thời đại.

2.2. Khao vọng, sự công nhận của làng xã đối với người được phân chia ngôi thứ

Tất cả những ưu đãi dành cho người cao tuổi và người có học được đảm bảo bằng yếu tố khao vọng. Khao vọng 犒望 với ý nghĩa báo cáo tạ ơn trời đất, thần linh ban phúc cho mình và chia vui với mọi người về điểm tốt do trời ban và điểm tốt do nỗ lực bản thân. Chính qua lệ này, các cụ và người có học mới được gia nhập vào hàng lão hạng và chức sắc ở làng. Hương ước Việt thế kỷ XVII, XVIII đưa ra quy định chi tiết đối với số lượng thức lễ khao vọng như điều 3, 4 bản *Dương Liễu xã khoán ước* 楊柳社券約 (Son Tây) lập năm Canh Trĩ 6 (1668) ghi:

“Điều 3: Người nào trong bản xã thi văn thi võ đỗ tam trường thì phải khao bản xã 3 quan 5 mạch tiền sử, mọi người lớn nhỏ cùng uống rượu.

Điều 4: Người nào trong bản xã thi đỗ tứ trường thì phải khao bản xã 1 con bò đáng giá 10 quan tiền sử, rượu 1 gánh đáng giá 2 quan tiền sử, xôi 100 đấu. Chia làm 2 phần, 1 phần thì tất cả mọi người lớn nhỏ cùng ăn uống, còn 1 phần thì on thần đem cho bản giáp thừa hành lo liệu công việc, phân chia theo như định suất.

Lại nữa, người nào ở hàng vũ chỉ lĩnh nhận sắc lệnh, cùng các chức tạp lưu khác, hoặc là hàng văn quan nhận chức, hoặc là hàng võ quan nhận chức, thì cũng phải khao vọng như thế.

Còn như người nào có hậu tình hơn thì không cần câu thúc” [2].

Sang thế kỷ XVIII, quy định khao vọng ở một số làng nhiều hơn như bản *Hoa Ngạc xã tế lễ nghi tiết bạ* 華萼社祭禮儀節簿 soạn năm Canh Hưng 44 (1783) đặt quy định riêng về vọng hương lão trên 60 tuổi dành cho thứ dân:

次人作具上下足例內每盘肉拾茲, 叁茲。預入斯文猪一口, 貳拾斗。[11]

(Thứ nhân làm mâm cỗ trên dưới cho đủ lệ, mỗi bàn 10 đĩa thịt, 3 đĩa xôi. Ai muốn dự vào hội Tư văn nộp 1 con lợn, 20 đấu xôi.)

Điều 7 bản *Quần Lương xã tục lệ* 群良社俗例 (Nam Định) lập năm Chiêu Thống 1 (1787) định lễ vật đối với lễ khao vọng người có học như sau:

何人中一二場及先賢子孫於春秋祭日敬卞猪一頭, 酒二罇, 芙蓂二百口, 望錢二十貫將就公所辭與會內著名八籍始得預會。其如諫生, 試生及副總, 里長等望錢三十貫其猪款芙酒亦依如一二場之例始得預會。若各伊員無望者不在此例。茲交。[9]

(Người nào đỗ nhất nhị trường đến con cháu bậc tiên hiền vào kỳ tế xuân thu kính biện 1 con lợn, 2 bình rượu, 200 khẩu trâu, 20 quan tiền khao vọng đưa đến công sở cáo với hội biên tên vào sổ bạ, bắt đầu được dự vào hội. Nếu là khóa sinh, thí sinh và Phó tổng, Lý trưởng thì nộp tiền khao vọng là 30 quan tiền cùng lợn, xôi, trâu, rượu như lệ của người đỗ nhất nhị trường mới được dự hội họp. Nếu vị nào không khao vọng thì không theo lệ này. Nay đặt giao ước.)

Nhiều người văn hay chữ tốt được vào hội Tư văn (hội những người học thức) được người người kính nể. Song song với việc cấp xét cho hội Tư văn, vấn đề bình ngạch cũng rất được hương ước chú trọng. Theo quy định, những ai sung quân khi mãn hạn trở về được dân làng dành chỗ cho như một cách thù đáp những công hiến thâm lạng của họ bên cạnh những suất ưu đãi về vật chất, lương bổng. Một số làng xếp cho họ ngồi gian bên trái đình. Nếu trong thời gian tại ngũ, họ được thăng chức, khi về làng dân làng vẫn cất nhắc cho họ vào đúng vị trí hiện tại... cũng trong bản *Quần Lương xã tục lệ* 群良社俗例 năm Chiêu Thống 1 (1787) cho hay:

社內何員試中造士, 武舉例有犒望及慶吊。例俵田量昭與進士, 副榜同科減田, 錢數以示文武有別。[9]

(Trong xã vị nào đỗ Tạo sĩ, Võ cử theo lệ có khao vọng và khánh điệu. Lệ có biểu ruộng nhưng so với Tiến sĩ, Phó bảng đồng khoa ít hơn một chút, số tiền mừng cũng vậy để thể hiện sự khác biệt giữa văn và võ.)

Sự phân chia ngôi thứ đình trung vào những kỳ hội họp hương đảng như chúng tôi trình bày bên trên, gần như trở thành nơi thiết triều với đầy đủ hai bên tả hữu – văn võ. Đề từ những vị thứ ấy, những con người làng tiến hành công đoạn phân công lao động, người trên đảm nhiệm các việc tôn quý như nghênh rước thần, tẩm tượng thần, thắp hương cúng vái... người dưới lo các việc quét tước, dọn dẹp, cầm cờ lộng, khiêng thánh giá, chuẩn bị cỗ bàn... Sau phần lễ trịnh trọng ấy, dân làng cùng nhau yến ẩm vui vầy, lễ dĩ nhiên mâm cỗ dành cho các cấp bậc cũng khác nhau, cho đến phần biểu xén. Số còn lại mới chia đều cho những người tham dự cùng nhau ăn uống. Hạn hữu ở làng Đồng Thủy có xét đến trường hợp biểu phần cho các lão bà từ 50 tuổi trở lên được 1 đĩa xôi và 1 mâm cơm. Dù chỉ là miếng thịt dày vài tác, rộng vài tác, đĩa xôi cùng trà trà nhưng lại là điều khiến những con người làng “thèm” lắm

vị trí ấy. Chính tâm lý này nên mỗi khi làng cần khoản tiền lớn tu sửa công trình công cộng thì những vị trí ngôi thứ ấy lập tức biến thành món hàng bán chạy nhất. Vì vậy, làng đã tự xoay chuyển và tự lo liệu mọi việc trước khi gõ nhiều lớp cửa xin chi viện của nhà nước trung ương. Như trường hợp huy động ghi trong bản *Đông Phù Liệt tục lệ* 東扶烈俗例 (Hà Đông) lập năm Canh Hưng 36 (1775):

本社如有修理公消事請賣副里, 鄉長, 社饒或保寄忌隨其順願取錢公消。如有買單準除雜役或有單寄忌百歲後同社供忌, 免補斂人丁。[7]

(Khi bản xã có tu sửa công trình công cộng cần tiền chi phí thì có thể lấy các chức như Phó lý, Hương trưởng, Xã nhiều hoặc người gửi giỗ đem ra bán thu tiền mà chi tiêu vào việc công. Nếu người nào có đơn xin mua thì miễn trừ tạp dịch cho họ. Nếu người nào có đơn gửi giỗ thì sau khi họ qua đời, toàn xã sẽ tham gia vào việc cúng giỗ, không cần bổ sung thêm nhân đình.)

Nhìn ở góc độ khác, chính ở khuôn viên của những rừng tre, tư tưởng *chính danh* của Nho giáo được khuôn nắn lại, đảm bảo phân lễ của kẻ dưới đối với người trên. Song cũng chính tư tưởng về địa vị, nhiều làng biến buổi lễ khao vọng thành buổi tiệc linh đình. Và dân làng có đến dự đông đủ hay không, mâm cỗ có thịnh soạn hay không, người khao vọng mới cho rằng mình đã xác lập được địa vị và uy tín bản thân. Từ đó lễ khao vọng cũng mất đi ý nghĩa tốt đẹp ban đầu, khi dân đua nhau chạy theo hư danh thường tình.

3. Kết luận

Lễ hương ẩm ở làng xã Việt bắt nguồn từ lễ hương ẩm tâu của Trung Quốc, tuy nhiên yếu tố về lễ không còn rõ rệt nữa mà đã được chuyển tải thành tục dân. Những quy định về vấn đề hương ẩm trong hương ước Việt giúp hình thành xã hội có nề nếp, trật tự, làm nền tảng cho sự hưng thịnh đất nước.

Một điều không thể phủ nhận, quy định về điều kiện đủ của lễ hương ẩm đã linh hoạt ứng biến vấn đề tài chính của làng, làng đã tự giải vây cho mình trong bối cảnh nhiễu loạn của đất nước.

Mặt khác có thể thấy, quy định về lễ hương ẩm trong hương ước Việt thời kỳ này đã tạo nên tiền lệ đài đẳng và biểu xén quá đỗi cho giai đoạn sau. Vô hình trung buộc người dân phải gồng mình gánh thêm món nợ miệng bên cạnh những món nợ thường trực của đời người (quan, hôn, tang, tế) trong phạm vi làng xã và khoản quy định sưu thuế, lao dịch đối với quốc gia.

Lễ hương ẩm ở làng xã Việt Nam, xét ở góc độ khác cũng mang mặt tiêu cực, muốn điều khiển con người hám hư danh, hình thành tư duy cục bộ. Từ đó tạo nên những vết cắt làm rạn vỡ mối liên kết giữa làng này với làng kia trong một quốc gia thống nhất. Xuyên suốt hương ước các làng Việt giai đoạn này, quy định về vấn đề vị trí ngôi thứ và khao vọng đối với những con người làng viết nên một câu chuyện dài từ đời này sang đời khác cũng lắm nỗi truân chuyên như chính số phận của họ, phản ánh chân thực nhất thực trạng xã hội Việt Nam đương thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Xuân Đỉnh, *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1998.
- [2] Nhiều tác giả, *Tuyển tập hương ước tục lệ*, Nxb Hà Nội, 2010.
- [3] Vũ Duy Mền, *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.
- [4] Nguyễn Tôn Nhan, *Kinh Lễ*, Nxb Văn học, Phú Nhuận, 1999.
- [5] Đinh Khắc Thuân (chủ biên), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2006.
- [6] Đào Trí Úc (chủ biên), *Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
- [7] 東扶烈俗例 (Đông Phù Liệt tục lệ), ký hiệu AF. a2/84.
- [8] 蕪祿社俗例 (Phát Lộc xã tục lệ), ký hiệu AF. a5/14.
- [9] 群良社俗例 (Quần Lương xã tục lệ), ký hiệu AF. a11/29.
- [10] 湘枚社俗例 (Tương Mai xã tục lệ), ký hiệu AF. a2/89.
- [11] 華萼社祭禮儀節簿 (Hoa Ngạc xã tế lễ nghi tiết bạ), ký hiệu AF. a2/62.
- [12] 潼水社俗例 (Đồng Thủy xã tục lệ), ký hiệu AF. a10/33.
- [13] 厚澤社俗例 (Hậu Trạch xã tục lệ), ký hiệu AF. a6/25.
- [14] 金仁杰, 韓相權, 朝鮮時代社會研究史料叢書, 保景文化社發行, 1986.

(BBT nhận bài: 15/07/2015, phản biện xong: 19/08/2015)